



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

**MÃ CHỨNG KHOÁN: FCM**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2013**

**Hà Nam, tháng 3 năm 2014**

**Phụ lục số II**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần khoáng sản FECON  
**Năm báo cáo 2013**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0700252549 do Sở kế hoạch đầu tư Hà Nam cấp ngày 03 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 20 tháng 02 năm 2013

- Vốn điều lệ: 268.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 268.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Cụm CN Thi Sơn – xã Thi Sơn – Huyện Kim Bảng – Tỉnh Hà Nam
- Số điện thoại: 03513 533 038
- Số fax: 03513 533 897
- Website: [www.feconmining.com.vn](http://www.feconmining.com.vn)
- Mã cổ phiếu : **FCM**

*2. Quá trình hình thành và phát triển*

- Công ty cổ phần Khoáng sản FECON tiền thân là Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON (Công ty con của Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON) thành lập ngày 03/09/2007 với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. Ngày 05/05/2010, Công ty TNHH Cọc bê tông dự ứng lực FECON chuyển đổi thành Công ty cổ phần Bê tông dự ứng lực PVC-FECON với sự tham gia góp vốn thêm của hai cổ đông lớn là Tổng Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) và Công ty cổ phần thi công cơ giới và lắp máy dầu khí (PVC – ME) bên cạnh cổ đông ban đầu là Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON. Vốn điều lệ của Công ty khi vừa chuyển đổi là 150 tỷ đồng.
- Ngay từ khi thành lập, với định hướng phát triển cũng như nắm bắt được nhu cầu rất lớn của thị trường đối với các sản phẩm bê tông dự ứng lực chất lượng cao, Công ty đã chú trọng đầu tư vào công nghệ, nghiên cứu và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng.
- Với dây chuyền công nghệ sản xuất theo tiêu chuẩn Nhật Bản, sản phẩm cọc chất lượng cao với thương hiệu FECON Pile đã được cung cấp ra thị trường Việt Nam

từ tháng 7/2008 và đã được khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao, tin tưởng lựa chọn đưa vào hạng mục thi công nền móng cho các dự án lớn như chuỗi siêu thị Metro cash & carry phía Bắc, chuỗi Siêu thị Big C phía Bắc, Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 1, Nhà máy sợi Tổng hợp PVTEX Đình Vũ, PEPSI Bắc Ninh,...

- Nhờ vào việc áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại cùng với những tính năng tiên tiến, sản phẩm cọc của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON đang từng bước chiếm lĩnh thị trường cọc đúc sẵn miền Bắc Việt Nam. Với chiến lược phát triển bền vững, Công ty đang tiếp tục nghiên cứu để sản xuất ra các sản phẩm bê tông dự ứng lực hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm đem lại giải pháp tổng thể cho nền móng các công trình xây dựng.
- Tháng 11/2009, Công ty đã cho ra đời sản phẩm cọc vuông ly tâm dự ứng lực đầu tiên ở miền Bắc, được sử dụng lần đầu tiên cho khách sạn Lam Kinh (Thanh Hóa), trung tâm thương mại Blue Lotus Even Centre (Hà Nội).
- Từ khi đi vào sản xuất công suất nhà máy luôn hoạt động tối đa nhưng vẫn không đáp ứng được nhu cầu thị trường. Để xây dựng Nhà máy cọc hiện tại thành Nhà máy bê tông dự ứng lực cường độ cao, đa dạng sản phẩm và tăng công suất, đầu năm 2010 Công ty đã liên kết với Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) để đầu tư xây dựng Nhà máy giai đoạn 2 với sản phẩm cọc có đường kính từ D300 đến D1200 với chiều dài tối đa là 27m. Đây là nhà máy sản xuất cọc lớn nhất miền Bắc với số vốn đầu tư ban đầu lên tới 300 tỷ đồng trên diện tích gần 4 ha tại cụm công nghiệp Thi Sơn – Kim Bảng – Hà Nam
- Đặc biệt tháng 01/2011, Công ty đã cho ra sản phẩm cọc D800 dài 27m có đường kính và chiều dài lớn nhất miền Bắc theo đúng tiêu chuẩn Nhật Bản và Việt Nam. Sự kiện này đã tạo tiếng vang lớn và nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty trên thị trường cọc miền Bắc.
- Để chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào, đồng thời đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng cho khu vực miền Bắc, Công ty mở rộng sang lĩnh vực khai thác và cung cấp khoáng sản vật liệu xây dựng với các mỏ đá (đá xây dựng và đá balzan chất lượng cao) ở Hòa Bình và Hà Nam, mỏ cát ở Hà Nội. Việc mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh khoáng sản của Công ty vừa để đáp ứng và chủ động về nhu cầu nguyên vật liệu đầu vào cho nhà máy sản xuất cọc bê tông ly tâm, vừa tạo ra cơ hội để Công ty có thể phát triển thêm một lĩnh vực hoạt động kinh doanh tiềm năng và hiệu quả.

*MLL*

- Ngày 28 tháng 12 năm 2011 Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen cho công ty đạt: Giải vàng chất lượng quốc gia năm 2011.
- Từ ngày 20/02/2013, Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Khoáng sản FECON (Công ty).
- Ngày 08 tháng 5 năm 2013, SGDCK Tp.HCM đã có quyết định số 173/2013/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON. Ngày 15 tháng 5 năm 2013 giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh- Mã chứng khoán: FCM.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
  - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
  - Khai thác quặng sắt, khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, khai thác quặng kim loại quý hiếm; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
  - Thi công xây dựng: Nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị, thí nghiệm cọc công nghệ cao;
- Địa bàn kinh doanh của Công ty cổ phần khoáng sản FECON trải dài các tỉnh từ miền Trung tới miền Bắc. Tiêu biểu như một số dự án: Khu liên hợp gang thép FORMOSA – Hà Tĩnh, Công trình Sam Sung Thái Nguyên, Công trình LG Hải Phòng, công trình Honda 3, công trình Brother

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Khoáng sản FECON đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

#### ❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên thường niên hằng năm, trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

#### ❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm

*lu*

quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON có 05 thành viên.

HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

❖ Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội cổ đông do Đại hội cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Ban Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn.

❖ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.

Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.

5. Các công ty con:

- Công ty TNHH đầu tư FECON trở thành công ty con từ 31 tháng 12 năm 2013.
- Công ty cổ phần khoáng sản Hải Đăng trở thành công ty con ngày 01 tháng 01 năm 2014.

6. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Đối với lĩnh vực sản xuất và cung cấp cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao tại thị trường Miền Bắc, Công ty tập trung mạnh vào sản xuất, cung cấp và thi công cọc bê tông (PC/PHC) cho các công trình xây dựng cao tầng, nhà máy, cảng biển, đường bộ và cầu đường v.v. . Đối với lĩnh vực khai thác khoáng sản, sản xuất chế biến vật liệu xây dựng: FECON Mining đang trong giai đoạn bắt đầu triển khai, chưa có thế mạnh trên thị trường. Công ty định hướng liên kết cùng các công ty có kinh nghiệm trong lĩnh vực khai khoáng, tập trung khai thác một số mỏ đá ở khu vực Hòa Bình, Hà Nam, Hà Tĩnh.

Thanh Hóa và mỏ cát ở Hà Nội, sử dụng công nghệ khai thác an toàn, đảm bảo môi trường, máy móc thiết bị hiện đại.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: FECON Mining xác định sẽ trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực khai khoáng và cung cấp các sản phẩm bê tông hiện đại, đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển hạ tầng trong thời kỳ hội nhập của đất nước. Các công nghệ mà Công ty áp dụng không chỉ nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, khách hàng mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững, bởi một trong các phương châm hoạt động của FECON Mining là mọi hoạt động của công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là ích nước lợi nhà.

7. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Cải thiện môi trường làm việc: xanh- sạch- đẹp. Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm, cải thiện môi trường làm việc như:
  - + Phân loại các chất thải độc hại để tiêu hủy đúng nơi quy định.
  - + Xử lý bụi thải của lò hơi trước khi thải vào môi trường.
  - + Xử lý nước thải trước khi xả vào môi trường.
  - + Trồng nhiều cây xanh trong nhà máy
- Tham gia các phong trào địa phương, thực hiện trách nhiệm với xã hội:
  - ✓ Nhận chăm sóc, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng là mẹ Nguyễn Thị Kim (Thụy Lôi- Kim Bảng- Hà Nam) từ tháng 8 năm 2008. Hàng tháng Công ty cử cán bộ đến thăm hỏi, tặng quà và thường xuyên có quan tâm đến sức khỏe của mẹ.
  - ✓ Hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi: hàng năm vào dịp tết thiếu nhi và trung thu lãnh đạo và cán bộ công ty đến thăm hỏi tại trung tâm trẻ mồ côi, tặng quà và động viên các cháu học tập.
  - ✓ Tặng quà cho các gia đình có nạn nhân chất độc màu da cam: hàng năm tham gia tích cực cùng địa phương tặng quà các gia đình nạn nhân chất độc màu da cam.
  - ✓ Tặng sổ tình nghĩa các gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo của địa phương xã thi Sơn, huyện Kim Bảng: 135 sổ.
  - ✓ Ủng hộ các phong trào khuyến học tại huyện Kim Bảng.
  - ✓ Ủng hộ xây dựng các công trình tại địa phương.

*me*

## 8. Các rủi ro:

### 8.1 Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó. Tính đến thời điểm 31/12/2013, vốn vay và nợ của Công ty là khoảng 267 tỷ đồng, nguồn vốn vay này chủ yếu dùng để mua nguyên vật liệu sản xuất và máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất của công ty. Từ đó để hạn chế rủi ro lãi suất, Công ty đặc biệt nâng cao khả năng dự báo, khả năng quản lý, nghiên cứu cơ cấu lại tỷ lệ nợ.

### 8.2 Tỷ giá hối đoái

Đối với một doanh nghiệp rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó. Tính đến thời điểm 31/12/2013, vốn vay và nợ của Công ty là khoảng 267 tỷ đồng, nguồn vốn vay này chủ yếu dùng để mua nguyên vật liệu sản xuất và máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất của công ty. Từ đó để hạn chế rủi ro lãi suất, Công ty đặc biệt nâng cao khả năng dự báo, khả năng quản lý, nghiên cứu cơ cấu lại tỷ lệ nợ.

### 8.3 Rủi ro về nguồn nguyên liệu

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, chi phí sản xuất của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bởi sự biến động giá cả vật liệu xây dựng như sắt thép, xi măng,..... Khi giá cả vật liệu xây dựng tăng đột biến sẽ nhanh chóng tác động đến giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty, đẩy chi phí lên cao đối với những hợp đồng thi công dài hạn đã ký. Điều này có thể gây ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế sự rủi ro về nguồn nguyên liệu, Công ty chủ động hơn nữa trong việc đàm phán ký kết các hợp đồng giảm giá nguyên vật liệu, mở rộng xưởng sản xuất nguyên vật liệu chính như cát, bích.

### 8.4 Rủi ro về thời gian thanh toán

Trong hoạt động thi công xây dựng thì thời gian thi công trong công trường thường bị kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu, việc nghiệm thu, bàn giao, quyết toán với chủ đầu tư và nhà thầu thường chậm. Vì vậy, việc thu hồi nợ, quay vòng vốn từ các công trình rất chậm. Qua đó, để đẩy nhanh việc thu hồi nợ, quay vòng vốn từ các công trình, các phòng ban bộ phận chức năng phải thương xuyên đối chiếu, đốc thúc khách hàng trả nợ..

## 9. Tình hình hoạt động trong năm

### a. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua có những bước phát triển vượt bậc, thể hiện qua các mức tăng trưởng cao của các chỉ tiêu về tài sản, doanh thu, lợi nhuận của Công ty qua các năm.

Tổng tài sản công ty năm 2013 tăng 42% so với năm 2012 lên gần 600 tỷ trong đó phần lớn là sự gia tăng của các khoản phải thu ngắn hạn, tài sản ngắn hạn. Tài sản cố định tăng 5% là do Công ty tập trung đầu tư máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.

*MU*

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2013 của Công ty đạt 423 tỷ tăng 60% so với năm 2011 và đạt 49,82% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2013 của công ty đạt 35,785 tỷ đồng tăng 100,5% so với năm 2012 và đạt 37,28% kế hoạch lợi nhuận.. Các chỉ tiêu về chi phí lãi vay cũng có sự gia tăng nhưng không có sự thay đổi nhiều so với năm 2012.

*b. Tổ chức và nhân sự*

– Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ (cp)		Đơn vị được đại diện
			Đại diện	Cá nhân	
<b>Hội đồng quản trị</b>					
1	Hà Thế Lộng	Chủ tịch	5.250.000	0	FCN
2	Nguyễn Huy Hòa	Phó Chủ tịch	3.750.000	0	PVX
3	Hà Thế Phương	Ủy viên	1.500.000	0	FCN
4	Phùng Tiến Trung	Ủy viên		10.000	
5	Nguyễn Chí Công	Ủy viên	3.000.000	0	FCN
<b>Ban Kiểm soát</b>					
1	Nguyễn Thanh Phương	Trưởng Ban Kiểm	0	1.000	
2	Vũ Thị Thu Hải	Thành viên BKS	0	0	
3	Ngô Thị Thanh	Thành viên BKS	0	0	
<b>Ban Giám đốc</b>					
1	Hà Thế Phương	Giám đốc	1.500.000	0	
2	Phạm Trung Thành	Phó Giám đốc	0	30.000	
3	Lê Quang Trung	Phó Giám đốc	0	0	
<b>Kế toán trưởng</b>					
1	Nguyễn Tuấn Anh	Kế toán trưởng	0	0	

*c. Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng*

Hội đồng quản trị

c.1 Hà Thế Lộng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/11/1953
- Nơi sinh : Yên Phú, Ý Yên, Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam

*MCC*



- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng sư phạm kỹ thuật – Điện xí nghiệp
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 9/2007 đến 4/2010	Giám đốc Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 5/2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản FECON (trước đây là Công ty CP bê tông FECON)

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản FECON.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 5.250.000 cổ phần, chiếm 19,59 % vốn điều lệ.
- Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ).
  - Được ủy quyền đại diện: 5.250.000 cổ phần (tương ứng 19,59 % vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

#### c.2 Nguyễn Huy Hòa - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20-10-1958
- Nơi sinh : Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác :

*MU*

Thời gian	Chức vụ
Từ 7/2011 đến nay	Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản FECON

- Chức vụ hiện nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản FECON
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Ủy viên HĐQT Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 3.750.000 cổ phần, chiếm 13,99 % vốn điều lệ.
- Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ).
  - Được ủy quyền đại diện: 3.750.000 cổ phần (tương ứng 13,99% vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

### c.3 Hà Thế Phương - Ủy viên

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10-03-1954
- Nơi sinh : Yên Phú – Ý Yên – Nam Định
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ thông tin - Đại học Bách khoa Hà Nội
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 7/2008 – 10/2009	Giám đốc sản xuất Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 10/2009 – 4/2010	Phó Giám đốc Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON

*Handwritten signature or mark*

Từ 5/2010 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản FECON
-----------------	--

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản FECON.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 1.500.000 cổ phần, chiếm 5,597 % vốn điều lệ.
- Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ).
  - Được ủy quyền đại diện: 1.500.000 cổ phần (tương ứng 5,597 % vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

#### c.4 Phùng Tiến Trung - Ủy viên

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23-10-1973
- Nơi sinh : Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kế toán, Thạc sỹ, Kỹ sư xây dựng.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 5/2010 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản FECON

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản FECON
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Giám đốc Trung tâm kết cấu 2-Công ty CP tư vấn XDCN và Đô thị Việt Nam (VCC).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 10.000 cổ phần, chiếm 0,0373 % vốn điều lệ.
- Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần (tương ứng 0,0373 % vốn điều lệ).
  - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

**c.5 Nguyễn Chí Công - Ủy viên**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13/05/1972
- Nơi sinh : Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Đường bộ Đại học Giao thông vận tải Hà Nội.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ tháng 01/2013 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản FECON

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản FECON.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH đầu tư FECON.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 3.000.000 cổ phần, chiếm 11,194 % vốn điều lệ.
- Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ).

- Được ủy quyền đại diện: 3.000.000 cổ phần (tương ứng 11,194 % vốn điều lệ)

- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

#### Ban Giám đốc

c.6 Họ và tên: Hà Thế Phương – Giám đốc (Như trên)

c.7 Họ và tên: Phạm Trung Thành – Phó Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21-11-1977
- Nơi sinh : Yên Phú – Ý Yên – Nam Định
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Hóa học
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 6/2008 – 10/2009	Trưởng phòng Cung ứng vật tư Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 10/2009 – 4/2010	Quản đốc xưởng Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 5/2010 - Nay	Phó giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản FECON

- Chức vụ hiện nay : Phó giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản FECON.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 30.000 cổ phần, chiếm 0,11 % vốn điều lệ.
- Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần (tương ứng 0,11 % vốn điều lệ).
  - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

*Handwritten signature*

Ban Kiểm soát

c.8 Họ và tên: Nguyễn Thanh Phương – Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19-11-1973
- Nơi sinh : Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 5/2010 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản FECON

- Chức vụ hiện nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản FECON.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Kế toán trưởng Công ty TNHH đầu tư FECON.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 1.000 cổ phần, chiếm 0,0037 % vốn điều lệ.
- Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần (tương ứng 0,0037 % vốn điều lệ).
  - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

c.9 Họ và tên: Vũ Thị Thu Hải – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 31-7-1981
- Nơi sinh : Nam Định
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 5/2010 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản FECON

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản FECON
- Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Phó ban TCKT Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

c.10 Họ và tên: Ngô Thị Thanh – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 05/11/1986
- Nơi sinh : Khả Phong – Kim Bảng – Hà Nam
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ tháng 11/2009 – 02/2012	Nhân viên kế toán – Công ty cổ phần khoáng sản FECON
Từ tháng 3/2012 - nay	Nhân viên phòng Kinh tế kế hoạch- Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản FECON

- Chức vụ công tác hiện nay: Nhân viên phòng KTKH- Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản FECON
- Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không

*File*

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VDL
1	Nguyễn Tuấn Hưng	Chồng	6.000	0,022

#### c.11 Kế toán trưởng

- Họ và tên : Nguyễn Tuấn Anh
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 11/07/1980
- Nơi sinh : Đồng Văn – Duy Tiên – Hà Nam
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác:
- 

• Thời gian	Chức vụ
Từ 07/2004 - 2/2007	Nhân viên phòng kế toán - Công ty CP Sông Đà 7
Từ 02/2007 - 9/2007	Kế toán trưởng - Công ty CP TB Cao Nguyên - Sông Đà
Từ 10/2007 - 4/2010	Phó kế toán trưởng - Công ty CP Sông Đà 7
Từ 04/2010 - 3/2012	Kế toán trưởng - Công ty TNHH một TV Sông Đà 705
Từ 03/2012 - 10/2013	Phó kế toán trưởng - Công ty CP Sông Đà 7

- Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần khoáng sản FECON
- Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ



- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không
- d. Những thay đổi trong ban điều hành:
- Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty và Chấm dứt hợp đồng lao động với Bà Nguyễn Thị Yến kể từ ngày 30/10/2013.
  - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Tuấn Anh giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 30/10/2013.
  - Bổ nhiệm Ông Lê Quang Trung làm Phó Giám đốc kỹ thuật kể từ ngày 04/11/2013.
- e. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
- e.1 Số lượng CBCNV Công ty tính đến 31 tháng 12 năm 2013 là: 310 người
- e.2 Chế độ làm việc
- ✓ Về thời gian làm việc: công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,0 tiếng. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.
  - ✓ Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.
- e.3 Chính sách lương, thưởng và phúc lợi
- ✓ Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hợp đồng cố định còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.
  - ✓ Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Luôn tạo cho người lao động yên tâm, phấn khởi thi đua trong lao động sản xuất. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho nhân viên trong Công ty.
  - ✓ Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ.
  - ✓ Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định

*MU*

xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.

- ✓ Các tổ chức quản chúng được tạo điều kiện hoạt động và nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau đối với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm thực hiện.

#### e.4 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- ✓ Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về trình độ, kinh nghiệm và ý thức trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập.
- ✓ Công ty có chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao dành cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

#### 10. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

##### a) Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm 2013

- Đầu tư cải tạo dây chuyền công nghệ :3,67 tỷ
- Đầu tư xưởng gia công bích đầu cọc : 3,08 tỷ
- Đầu tư xưởng chế biến cát nhân tạo : 2,04 tỷ
- Đầu tư nhà có mái che chứa nguyên liệu cho xưởng nghiền cát: 2,62 tỷ
- Đầu tư nâng cấp đường nội bộ: 3 tỷ
- Đầu tư hệ thống sang quay để tối ưu hóa hình dạng của đá: 2,8 tỷ
- Đầu tư tài chính vào FECON Nghi Sơn : 15 tỷ
- Đầu tư mua Công ty FECON Invest: 3,9 tỷ
- Đầu tư mua Công ty khai thác cát, đá: 8,1 tỷ
- Đầu tư mua khuôn phục vụ nâng cao công suất nhà máy : 12,5 tỷ
- Đầu tư mua căn hộ 403 D5 Trần Thái Tông – Cầu Giấy – Hà Nội làm văn phòng đại diện Hà Nội: 3,5 tỷ

Các khoản đầu tư đã thực sự đi vào phục vụ cho công tác sản xuất của nhà máy ngay sau khi đầu tư xong, trực tiếp góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm sức lao động, hạ giá thành sản phẩm.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Thông tin về tình hình tài chính các đơn vị thành viên năm 2013

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công ty	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
1	Công ty TNHH đầu tư FECON	9.628	8.434	1.194		

Do công ty chính thức trở thành công ty con của Công ty cổ phần khoáng sản FECON (FCM sở hữu 100%) là ngày 31 tháng 12 năm 2013, do vậy công ty không có nghiệp kinh tế nào ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của công ty,

11. Tình hình tài chính

12. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Do Công ty TNHH đầu tư FECON, Công ty cổ phần khoáng sản Hải Đăng chính thức trở thành công ty con của Công ty vào sắt ngày cuối năm tài chính 31/12/2013, mới đi vào hoạt động. Do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 được so sánh với số liệu trên báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2012.

Chỉ tiêu	Năm 2012 (Công ty mẹ)	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	404.517.899.350	573.558.955.919	142%
Doanh thu thuần	265.425.142.871	423.485.066.539	159%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.663.496.926	42.781.040.874	180%
Lợi nhuận khác	210.652.993	5.224.292.655	
Lợi nhuận trước thuế	23.874.149.919	48.005.333.529	101%
Lợi nhuận sau thuế	17.849.634.987	35.785.669.444	100%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	6%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,65	1,9
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			

+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	1.16	1.52
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.58	0.47
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1.37	0.88
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Lần	3.59	5.03
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.66	0.74
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7	8
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10	12%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4	6
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9	10

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

a) *Cổ phần:*

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 26.800.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 6.770.500 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 20.029.500 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có

Danh sách hạn chế chuyển nhượng:

Stt	Họ tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Số lượng cổ phần hạn chế CN	Lý do

*mu*

1	Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	0101502599	18/10/2013	4.875.000	hạn chế chuyên nhượng đối với 50% số cổ phiếu thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Phó Giám đốc theo quy định
2	Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam	3500102365	20/12/2007	1.875.000	hạn chế chuyên nhượng đối với 50% số cổ phiếu thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Phó Giám đốc theo quy định
3	Phùng Tiến Trung	011677481	07/03/2005	5.000	hạn chế chuyên nhượng đối với 50% số cổ phiếu thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Phó Giám đốc theo quy định
4	Phạm Trung Thành	162131937	21/6/2010	15.000	hạn chế chuyên nhượng đối với 50% số cổ phiếu thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Phó Giám đốc theo quy định
5	Nguyễn Thanh Phương	011788694	28/07/2004	500	hạn chế chuyên nhượng đối với 50% số cổ phiếu thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Phó Giám đốc theo quy định
Tổng cộng				6.770.500	

b) Cơ cấu cổ đông:

Theo Sổ theo dõi cổ đông của Công ty chốt ngày 24/01/2014:

Mệnh giá: 10.000 đồng/cp

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.	<i>Trong nước</i>			
1.1	Tổ chức	7	14.863.186	55.46
1.2	Cá nhân	818	10.916.754	40.37
2.	<i>Nước ngoài</i>			
2.1	Tổ chức	1	9.260	0.03
2.2	Cá nhân	11	1.010.800	3.77
3	<i>Cổ nhiều quỹ</i>			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>837</b>	<b>26.800.000</b>	<b>100,00</b>

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2013

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %VNDL
1	Công ty CP kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON	Tầng 15, Tòa nhà CEO, lô HH2-1, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	9.750.000	36,38
2	Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (Công ty Nhà nước)	Tầng 25, Tòa nhà CEO, lô HH2-1, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	3.750.000	13,99

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tăng vốn đợt 01 ngày 20/02/2013 (Năm 2013 tăng vốn 01 lần)

- Vốn điều lệ trước phát hành: 150.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 268.000.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 11.800.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 95 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 95 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Nam.

Dối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
1. Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu	

Đối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
- Số lượng phát hành	11.800.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền	78,66
- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày chốt Danh sách cổ đông	19/01/2013
- Ngày phát hành	20/02/2013
- Số lượng cổ đông	95

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

## 6. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kinh tế - xã hội nước ta năm 2013 tiếp tục bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của kinh tế thế giới. Tăng trưởng của các nền kinh tế đầu tàu suy giảm kéo theo sự sụt giảm của các nền kinh tế khác. Những bất lợi từ sự sụt giảm của kinh tế thế giới ảnh hưởng xấu đến kinh tế trong nước và hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các loại hình doanh nghiệp, đã có trên 500,000 doanh nghiệp phá sản hoặc dừng hoạt động trong năm 2013.

- Khó khăn khá sâu rộng cho hầu hết các ngành kinh tế xã hội trong nước. Riêng ngành xây dựng lĩnh vực bất động sản hầu như vẫn đóng băng dẫn đến thị trường xây dựng, nhất là phân nền móng bị thu hẹp.

- Trong bối cảnh nền kinh tế chung còn gặp nhiều khó khăn như vậy, toàn thể cán bộ công nhân viên đã đồng tâm hiệp lực, nỗ lực hết mình thực hiện các cải cách để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành để đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được phần nào mục tiêu đề ra từ đầu năm 2013.

- Kết quả đã đạt được

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013 (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2012	% tăng giảm so với kế hoạch
1	Doanh thu thuần	423.485	59,55%	49,82%
2	Lợi nhuận trước thuế	48.005	101%	37,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	35.785	100%	37,27%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	8,4%	6,72%	

Nguyên nhân : Do mảng khoáng sản của Công ty hoạt động chưa có hiệu quả, do việc tìm kiếm và xác lập mỏ gặp nhiều khó khăn; Các dự án lớn dự kiến cung cấp khối lượng đá, cát lớn đều bị đẩy lùi như: Cảng biển Lạch Huyện, Nghi Sơn, Ga xe lửa Ngọc Hồi.....

### 2. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài sản

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng tài sản (Trong đó)	404.517.899.350	573.558.955.919

1.1	Tài sản ngắn hạn	185.141.549.528	339.321.565.923
1.2	Tài sản dài hạn	219.376.349.822	234.237.389.996
2	Doanh thu thuần	265.425.142.871	423.485.066.539
3	Lợi nhuận trước thuế	23.874.149.919	48.005.333.529
4	Lợi nhuận sau thuế	17.849.634.987	35.785.669.444

Tính đến cuối năm 2013 tổng tài sản tăng 169 tỷ đồng, tức tăng 42% so với đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 154 tỷ đồng (tăng 83%), tài sản dài hạn tăng 14,86 tỷ đồng (tăng 6,7%)

Với tài sản ngắn hạn, phải thu khách hàng có điều chỉnh tăng mạnh nhất tăng 66%, cuối năm là 155 tỷ đồng so với đầu năm là 93 tỷ đồng. Hàng tồn kho và các khoản mục khác không có sự thay đổi nhiều so với năm 2012.

Về tài sản dài hạn không có sự thay đổi nhiều so với năm 2012.

Việc lựa chọn đối tác tin cậy đã giúp FECON Mining giảm thiểu tối đa dự nợ xấu trong tổng tài sản, cụ thể, dự nợ cần trích lập dự phòng là 411 triệu, FECON Mining vẫn luôn tích cực để thu hồi những khoản nợ xấu này.

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013
Hiệu suất sử dụng tài sản <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản bình quân	Lần	0.72	0.87
Giá trị tài sản thuần/1 cổ phiếu (VNĐ) <u>Vốn chủ sở hữu</u> Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	Đồng	11.394	11.924

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
A	Nợ ngắn hạn (Trong đó)	112.161.617.621	178.569.889.271
1	Vay và nợ ngắn hạn	59.125.913.890	104.755.764.644
2	Phải trả người bán	42.668.966.378	55.929.253.919
B	Nợ dài hạn (Trong đó)	121.443.116.675	86.421.133.225
1	Vay và nợ dài hạn	121.443.116.675	86.421.133.225
C	Tổng nợ phải trả	233.604.734.296	267.682.688.860

Phân tích các chỉ tiêu liên quan đến tình hình nợ phải trả của Công ty cổ phần khoáng sản FECON trong giai đoạn 2012 – 2013

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1.65	1.9



2	Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	1.16	1.51
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	58	47
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	137	88
4	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10	12

Nợ phải trả tăng 14,5% so với năm 2012, trong đó tập trung chủ yếu là tăng trưởng nợ ngắn hạn (tăng 59,2%).

Trong năm 2013, FECON Mining không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn và luôn được các tổ chức tín dụng cũng như các nhà cung cấp đánh giá là khách hàng tin cậy, mức độ tín nhiệm cao

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

#### 3.1. Công tác cải tiến:

- Đây là công việc được tiến hành thường xuyên với sự tham gia của đông đảo người lao động. Việc cải tiến được tiến hành ở hầu khắp các khâu trong quá trình sản xuất. Từ việc bố trí cải tạo mặt bằng sản xuất cho khoa học, đến việc cải tạo máy móc thiết bị để nâng cao năng lực thiết bị và cải tiến quy trình sản xuất, quy trình kỹ thuật.
- Tổng số sáng kiến được áp dụng thành công trong năm: 49
- Các sáng kiến đã góp phần trực tiếp vào phục vụ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm sức lao động của con người, hạ giá thành sản phẩm → Nâng cao năng lực cạnh tranh.

#### 3.2. Chất lượng sản phẩm:

Việc cải tiến quy trình sản xuất, quy trình quản lý chất lượng dẫn đến chất lượng sản phẩm ổn định. Tỷ lệ cọc lỗi giảm xuống dưới 1%. Thành công rất lớn là chất lượng sản phẩm đảm bảo ngay cả khi sản xuất trong điều kiện khắc nghiệt như: Ngày hè nhiệt độ môi trường trên 35°C và ngày đông khi nhiệt độ môi trường dưới 10°C.

### 3.3. Năng suất lao động:

Năng suất lao động là chỉ tiêu luôn được quan tâm đánh giá từng ngày, từng tuần, từng tháng. Tính đến thời điểm cuối năm 2013 năng suất lao động tăng 140% so với cùng kỳ năm 2012.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2014

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Tăng trưởng (%)
1	Doanh thu	660.000	423.485	56%
	Doanh thu phần cọc	510.000	423.485	20,43%
	Doanh thu phân khoáng sản	150.000	0	100%
2	Lợi nhuận trước thuế	88.000	48.005	83,31%
3	Lợi nhuận sau thuế	66.000	35.785	84,43%

Để đạt được kế hoạch kể trên và đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất; Đầu tư dự án Khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn; Tăng tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Fecon Nghi Sơn; Bổ sung vốn lưu động nên phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ như sau:

Số lượng cổ phần dự kiến phát hành : 14.200.000 cổ phần (Mười bốn triệu hai trăm nghìn cổ phần), tương ứng với 52,985% vốn điều lệ tại thời

Trong đó: điểm 31/12/2013

- Cổ đông hiện hữu : 13.400.000 cổ phần (Mười ba triệu bốn trăm nghìn cổ phần)

- Cán bộ CNV : 800.000 cổ phần (tám trăm nghìn cổ phần)

Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá) : 142.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai tỷ đồng)

Đối tượng phát hành :

*Handwritten signature*

- **Cổ đông hiện hữu** : Là các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền mua cổ phần.
- **Cán bộ CBCNV** : Cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách người lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2013

Toàn bộ số tiền 142 tỷ đồng dự kiến thu được từ đợt phát hành sẽ được Công ty sử dụng cụ thể như sau:

STT	Đối tượng giải ngân dự kiến	Số tiền (đồng)
1	<i>Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng</i>	49.500.000.000
<b>1.1</b>	<b>Xưởng gia công bích đầu cọc</b>	<b>7.000.000.000</b>
<b>1.2</b>	<b>Cầu trục Long Môn</b>	<b>20.000.000.000</b>
<b>1.3</b>	<b>Khuôn cọc và máy sản xuất</b>	<b>22.500.000.000</b>
2	<i>Đầu tư xây dựng xưởng cát nhân tạo</i>	14.500.000.000
<b>2.1</b>	<b>Kinh phí xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật nhà xưởng</b>	<b>4.000.000.000</b>
<b>2.2</b>	<b>Đầy chuyên máy móc thiết bị</b>	<b>10.500.000.000</b>
3	<i>Đầu tư khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn, và mở rộng nhà máy về phía đông</i>	13.000.000.000
<b>3.1</b>	<b>Chi phí san lấp</b>	<b>2.500.000.000</b>
<b>3.2</b>	<b>Kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng</b>	<b>4.500.000.000</b>
<b>3.3</b>	<b>Làm đường và các công trình mở rộng khác</b>	<b>6.000.000.000</b>
4	<i>Tăng tỷ lệ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn</i>	30.000.000.000
5	<i>Bổ sung vốn lưu động</i>	35.000.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>142.000.000.000</b>

## 7. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

*MCC*

- Trong năm 2013 ban điều hành đã rất quan tâm đầu tư và tổ chức cải tiến dây chuyền thiết bị, điều kiện làm việc cho người lao động và nâng cao năng suất lao động.

- Tuy nhiên vẫn còn những hạn chế, đó là:

Việc cải tạo thiết bị chưa thật đồng bộ, cộng với năng lực quản lý điều hành sản xuất còn hạn chế nên năng suất lao động vẫn còn thấp so với yêu cầu.

Năng lực chuyên môn của lực lượng kỹ thuật còn hạn chế, hoạt động kiểm soát chất lượng chưa đạt tính khoa học lại thiếu tính quyết liệt nên có lúc, có công trình chất lượng sản phẩm không ổn định – làm ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu.

- Hiện nay giám đốc và ban điều hành đã và đang có những biện pháp cụ thể, quyết liệt để khắc phục những hạn chế nêu trên.

- Riêng về mảng khoáng sản hoạt động chưa có hiệu quả, cụ thể do:

Tìm kiếm và xác lập mỏ gặp rất nhiều khó khăn.

Các dự án lớn dự kiến cung cấp khối lượng đá, cát lớn đều đẩy lùi như: Cảng biển Lạch Huyện, Nghi Sơn, Ga xe lửa Ngọc Hồi.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Giám đốc công ty đã luôn bám sát mọi chủ trương, chỉ đạo của HĐQT để tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, cố gắng khắc phục nhiều khó khăn trong năm tài chính 2013 nên đã điều hành công ty hoạt động trụ vững trong tình hình khó khăn.

- Đã có nhiều biện pháp tích cực để xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn kỹ thuật. Cũng như đầu tư cải tạo nâng cấp thiết bị trong dây chuyền SX nhằm tới các mục tiêu chất lượng an toàn hiệu quả.

- Quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, quyền lợi của CBCNV, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tốt.

- Luôn chú ý vận dụng thực hiện đúng các chế độ chính sách quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm, thuế... Đồng thời tham gia các hoạt động xã hội tốt.

- Cần chú ý nâng cao năng lực quản trị tài chính. Áp dụng các biện pháp quản lý tiên tiến một cách linh hoạt hơn, tạo điều kiện, để hiệu để làm cho cán bộ quản lý cấp trung và nhằm những mục tiêu thiết thực hơn.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tập trung các biện pháp quyết liệt nhằm ổn định chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, đảm bảo an toàn về con người và thiết bị trong sản xuất cộc bê tông ly tâm dự ứng lực.
- Nhanh chóng hoàn tất các thủ tục pháp lý và triển khai việc khai thác, chế biến đá, cát đảm bảo an toàn hiệu quả và từng bước nâng cao sản lượng trong lĩnh vực khai khoáng này đáp ứng các công trình lớn đã dự định.
- Đầu tư nghiên cứu, tiến đến mở rộng khai thác các khoáng sản khác; tiếp cận thị trường rộng rãi hơn.
- Trình ĐHCĐ thường niên năm 2014 phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

### 8. Quản trị công ty

#### 1. Hội đồng quản trị

##### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (cp)			Ghi chú
			Đại diện	Cá nhân	Đại diện cho	
Hội đồng quản trị						
1	Hà Thế Lộng	Chủ tịch	5.250.000	0	FCN	Điều hành
2	Nguyễn Huy Hòa	Phó Chủ tịch	3.750.000	0	PVX	Không điều hành
3	Hà Thế Phương	Ủy viên	1.500.000	0	FCN	Điều hành
4	Phùng Tiến Trung	Ủy viên		10.000	Độc lập	Không điều hành
5	Nguyễn Chí Công	Ủy viên	3.000.000	0	FCN	Không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Hà Thế Lộng	Chủ tịch	10/10	100%
2	Ông Nguyễn Huy Hòa	Phó chủ tịch	10/10	100%
3	Ông Hà Thế Phương	Thành viên	10/10	100%
4	Ông Phùng Tiến Trung	Thành viên	10/10	100%

PLU

5	Ông Nguyễn Chí Công	Thành viên	10/10	100%
---	---------------------	------------	-------	------

**Nội dung các cuộc họp:**

Stt	Ngày	Nội dung
1	05/01/2013	Bổ nhiệm bổ sung Thành viên HĐQT và Tạm ứng cổ tức 2012
2	25/3/2013	Góp vốn thành lập FECON Nghi Sơn
3	30/3/2013	HĐQT họp quyết định các nội dung tổ chức ĐHĐCĐ TN 2013
4	30/3/2013	Điều chỉnh các nội dung trong Giấy chứng nhận đầu tư
5	16/4/2013	Thành lập Ban khoáng sản
6	26/06/2013	Họp thường niên quý II, đánh giá kết quả hoạt động SXKD quý II và phương hướng chỉ đạo quý III
7	26/06/2013	Mua căn hộ tại quận Cầu Giấy làm văn phòng đại diện tại Hà Nội
8	29/7/2013	Thống nhất chủ trương đầu tư mua mỏ Quan Sơn (Thuộc xã Tân Trường huyện Tĩnh Gia và xã Thanh Kỳ huyện Như Thanh- tỉnh Thanh Hóa)
9	21/10/2013	Chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến bằng văn bản xin điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013
10	30/10/2013	Thay đổi Kế toán trưởng và lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013
11	04/11/2013	Bổ nhiệm Phó giám đốc kỹ thuật
12	07/11/2013	Tờ trình: thông qua việc điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2013
13	10/12/2013	Mua lại 55% cổ phần của Công ty cổ phần khoáng sản Hải Đăng
14	25/12/2013	Mua lại 100% cổ phần của Công ty TNHH đầu tư FECON

S/ TY 2013 S. N 1/11

*MK*

- Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao đúng với Điều lệ Công ty quy định. Hội đồng quản trị hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao nhằm mục tiêu để công ty ngày càng phát triển hơn.
- Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2013 là tích cực và đã thể hiện rõ vai trò định hướng phát triển chiến lược, giúp công ty tháo gỡ những khó khăn trước mắt và tiếp tục phát triển trong bối cảnh nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn.
- Các hoạt động của HĐQT đã tuân thủ theo luật định, Điều lệ do Đại hội cổ đông thông qua.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- HĐQT đã duy trì họp mỗi quý một lần.
- Các kỳ họp đều có đầy đủ 05 thành viên. Mỗi thành viên đã tham gia với tinh thần trách nhiệm cao, hội nghị diễn ra theo đúng quy định của điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và luật doanh nghiệp.
- Các quyết định của HĐQT đều sát đúng với tình hình thực tế, đảm bảo mục tiêu phát triển công ty bền vững và phù hợp; không vi phạm chính sách pháp luật của nhà nước.
- Đó là những nỗ lực rất lớn của HĐQT trong hoạt động năm tài chính 2013. Song các thành viên HĐQT thấy rằng mỗi thành viên đều cần nỗ lực hơn nữa trong việc nghiên cứu nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật và tình hình diễn biến thị trường, nền kinh tế trong, ngoài nước để kịp thời có những điều chỉnh chỉ đạo, tổ chức hoạt động của công ty phù hợp, sát đúng và kịp thời hơn nữa.
- Thành viên HĐQT độc lập không điều hành tích cực trong các hoạt động giám sát đảm bảo tính khách quan, minh bạch, các ý kiến đóng góp khách quan đề dẫn đến các quyết định có lợi cho đa số cổ đông.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 5/5

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (cp)
-----	-----------	---------	--------------------------------

*Handwritten signature*

			Đại diện	Cá nhân
<b>Ban Kiểm soát</b>				
1	Nguyễn Thanh Phương	Trưởng Ban Kiểm soát	0	1.000
2	Vũ Thị Thu Hải	Thành viên BKS	0	0
3	Ngô Thị Thanh	Thành viên BKS	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013, Ban kiểm soát gồm 3 người đã tiến hành 1 số hoạt động sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty

- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- Trong năm 2013, trong quá trình thực hiện quyền kiểm soát, Ban kiểm soát nhận thấy các hoạt động diễn ra tại Công ty vẫn diễn ra bình thường, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn của mình, không có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật. Ban kiểm soát chỉ đề xuất 1 số vấn đề nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tổng mức thù lao của HĐQT và ban kiểm soát là: 222.000.000 VNĐ.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao (đ/tháng)	Thành tiền
1	Nguyễn Huy Hòa	Phó CT HĐQT	3,000,000	36,000,000
2	Hà Thế Phương	Thành viên HĐQT	3,000,000	36,000,000

*MCC*



3	Phùng Tiến Trung	Thành viên HĐQT	3,000,000	36,000,000
4	Nguyễn Chí Công	Thành viên HĐQT	3,000,000	36,000,000
5	Nguyễn Thanh Phương	Trưởng ban KS	3,000,000	36,000,000
6	Vũ Thị Thu Hải	Thành viên BKS	1,000,000	12,000,000
7	Ngô Thị Thanh	Thành viên BKS	1,000,000	12,000,000
8	Trần Thị Hải Yến	Thư ký	1,500,000	18,000,000
Cộng			18,500,000	222,000,000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Tính đến 31/12/2013 không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON		9.750.000	36,38	
2	Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam		3.750.000	13,99	
3	Phùng Tiến Trung	Thành viên HĐQT	10.000	0,0373	
4	Phạm Trung Thành	Phó Giám đốc	30.000	0,11	
5	Nguyễn Thanh Phương	Trưởng Ban kiểm soát	1.000	0,0037	

6	Nguyễn Tuấn Hưng		6.000	0,022	Chồng Bà Ngô Thị Thanh· TV BKS
---	------------------	--	-------	-------	--------------------------------------

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Tính đến 31/12/2013 các hợp đồng ký kết giao dịch với cổ đông nội bộ đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có.

#### IV. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty được Công ty hợp danh kiểm toán Việt Nam- CPA Việt Nam chấp thuận toàn bộ và không có ý kiến ngoại trừ nào.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất. Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất ( Đính kèm theo báo cáo) được đăng tải trên website của công ty [www.feconmining.com.vn](http://www.feconmining.com.vn).

Xác nhận của đại diện theo pháp luật  
của Công ty



GIÁM ĐỐC  
*Hà Thế Phương*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất	9 - 29

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Bê tông và Khoáng sản Fecon, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0700252549 ngày 03 tháng 09 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: FECON MINING JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: Fecon Mining.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: FCM.

Trụ sở chính của Công ty tại cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Hà Thế Lộng	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Huy Hòa	Phó Chủ tịch
	Ông Hà Thế Phương	Ủy viên
	Ông Trịnh Văn Thảo	Ủy viên (miễn nhiệm 06/04/2013)
	Ông Nguyễn Chí Công	Ủy viên (bổ nhiệm 06/04/2013)
	Ông Phùng Tiến Trung	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Hà Thế Phương	Giám đốc
	Ông Phạm Trung Thành	Phó Giám đốc
	Ông Lê Quang Trung	Phó Giám đốc (bổ nhiệm 04/11/2013)

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



**Hà Thế Phương**  
**Giám đốc**

Hà Nam, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Số. 79/2014/BCKT-BCTCHNCPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2014, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



---

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014*

---

**Đinh Văn Thắng****Kiểm toán viên**

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2013-075-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>339.321.565.923</b>	-
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6.1</b>	<b>6.429.990.216</b>	-
1. Tiền	111		6.429.990.216	-
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>260.392.944.602</b>	-
1. Phải thu khách hàng	131		155.782.421.574	-
2. Trả trước cho người bán	132		783.471.049	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		95.770.549.144	-
5. Các khoản phải thu khác	135	6.2	8.467.531.400	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(411.028.565)	-
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6.3</b>	<b>68.558.223.695</b>	-
1. Hàng tồn kho	141		68.558.223.695	-
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.940.407.410</b>	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.035.976.410	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	6.4	407.378.252	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.5	497.052.748	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>234.237.389.996</b>	-
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>219.051.984.138</b>	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.6	204.877.819.464	-
- Nguyên giá	222		316.449.833.551	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.572.014.087)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	6.7	4.431.470.934	-
- Nguyên giá	225		7.632.337.942	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.200.867.008)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.8	7.739.681.993	-
- Nguyên giá	228		8.598.576.109	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(858.894.116)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.9	2.003.011.747	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6.10</b>	<b>5.000.000.000</b>	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.185.405.858</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.11	9.767.813.494	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	6.12	417.592.364	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>573.558.955.919</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>267.682.688.860</b>	-
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>178.569.889.271</b>	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.13	104.755.764.644	-
2. Phải trả người bán	312		55.929.253.919	-
3. Người mua trả tiền trước	313		7.044.761.480	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.14	8.281.697.532	-
5. Phải trả người lao động	315		2.240.645.915	-
6. Chi phí phải trả	316	6.15	300.528.388	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.16	905.759.588	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		(888.522.195)	-
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>89.112.799.589</b>	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.17	86.421.133.225	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.525.000.000	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.166.666.364	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>305.876.267.059</b>	-
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>6.18</b>	<b>305.876.267.059</b>	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		268.000.000.000	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.102.371.238	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.943.667.369	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33.830.228.452	-
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400 + 439)	<b>440</b>		<b>573.558.955.919</b>	-

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	TM	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại - USD		884,20	-

Người lập



Bùi Thị Biết

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh

Hà Nam, ngày 20 tháng 02 năm 2014



Hà Thế Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013
			VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		425.537.192.139
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.052.125.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.19	423.485.066.539
4. Giá vốn hàng bán	11	6.20	309.868.429.753
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>113.616.636.786</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.21	1.289.292.325
7. Chi phí tài chính	22	6.22	21.141.584.660
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.781.003.844
8. Chi phí bán hàng	24		40.309.937.987
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.673.365.590
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>42.781.040.874</b>
11. Thu nhập khác	31		6.110.085.686
12. Chi phí khác	32		885.793.031
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.23</b>	<b>5.224.292.655</b>
<b>15. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>-</b>
<b>16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>48.005.333.529</b>
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.24	10.694.664.085
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.25	1.525.000.000
<b>19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>35.785.669.444</b>
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.26	1.409

Hà Nam, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập



**Bùi Thị Biết**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Tuấn Anh**



**Hà Thế Phương**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013
			VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		48.005.333.529
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02		31.927.693.949
- Các khoản dự phòng	03		411.028.565
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.000.032.737
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.219.728.489)
- Chi phí lãi vay	06		18.781.003.844
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		99.905.364.135
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(281.913.580.511)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(68.558.223.695)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		192.888.693.950
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.219.217.111
- Tiền lãi vay đã trả	13		(18.372.075.850)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.565.514.817)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		300.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.082.194.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(82.178.313.677)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(35.205.856.416)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.398.064.516
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.219.728.489
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(25.588.063.411)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		118.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		175.893.302.711
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(162.872.500.281)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2.412.935.126)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.411.500.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		114.196.367.304
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	50		6.429.990.216
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	70	6.1	6.429.990.216

Người lập

Bùi Thị Biết

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Anh

Hà Nam, ngày 20 tháng 02 năm 2014



Hà Thế Phương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU B 09-DN/HN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Bê tông và Khoáng sản Fecon, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0700252549 ngày 03 tháng 09 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 268.000.000.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: FECON MINING JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: Fecon Mining.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 173/2013/QĐ-SGDHCM. Ngày 08/05/2013, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là FCM.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp	3.750.000	37.500.000.000	13,99%
Dầu khí Việt Nam			
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon	9.750.000	97.500.000.000	36,38%
Các cổ đông khác	13.300.000	133.000.000.000	49,63%
<b>Cộng</b>	<b>26.800.000</b>	<b>268.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Địa chỉ đăng ký: Tại cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Số lao động bình quân: 290 người.

Công ty có Công ty con:

- Công ty TNHH Đầu tư Fecon. Địa chỉ: Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon nắm giữ 100% vốn điều lệ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0700222128 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 31/12/2013.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành; Vận tải hành khách đường bộ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Thi công xây dựng: Nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị; Thí nghiệm cọc công nghệ cao; Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, thủy văn công trình; Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng, quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm; Sản xuất và buôn bán các loại cấu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngầm; Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng; Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam; Buôn bán: Vật tư, vật liệu, thiết bị công nghiệp thuộc hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp; Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Dịch vụ kho vận; Tư vấn, môi giới bất động sản; Kinh doanh khách sạn, văn phòng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: sản xuất bê tông thành phẩm các loại.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ - Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng giao dịch thanh toán. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có số dư gốc ngoại tệ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.



**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (Năm)</b>
Nhà, xưởng và vật kiến trúc	08 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 10

**Tài sản cố định thuê tài chính**

Một tài sản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Cụ thể máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thời gian sử dụng là 30 tháng

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất thuê và phần mềm máy tính. Giá trị Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 49 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 4 năm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước dài hạn của công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm. Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: Chi phí thuê nhà kho, chi phí thuê tư vấn, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	3.794.352.257	-
Tiền gửi ngân hàng	2.635.637.959	-
<b>Tổng</b>	<b>6.429.990.216</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**6.2 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khác	8.467.531.400	-
<i>Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế CHAILEASE</i>	318.887.719	-
<i>Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng (*)</i>	8.047.800.000	-
<i>Phải thu khác</i>	100.843.681	-
<b>Tổng</b>	<b>8.467.531.400</b>	<b>-</b>

(\*\*) Đây là khoản tiền mua cổ phần theo Hợp đồng mua bán cổ phần ngày 19/11/2013 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon với Công ty TNHH Hải Đăng, Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Ngọc Thanh và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng. Căn cứ vào Phụ lục hợp đồng số 2312/2013/PL ngày 23/12/2013 thì Các bên quy định các khoản tiền Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon chuyển cho các bên bán trước ngày 31/12/2013 được coi như khoản tiền đặt cọc trong thời gian Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon làm các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật. Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon xác nhận việc chịu trách nhiệm đối với Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng từ ngày 01/01/2014 nếu các thủ tục pháp lý được hoàn tất theo quy định.

**6.3 Hàng tồn kho**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.369.320.434	-
Công cụ, dụng cụ	5.259.531.848	-
Thành phẩm	34.031.231.918	-
Hàng hoá	1.898.139.495	-
<b>Tổng</b>	<b>68.558.223.695</b>	<b>-</b>

**6.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	371.705.852	-
Tiền thuê đất	35.672.400	-
<b>Tổng</b>	<b>407.378.252</b>	<b>-</b>

**6.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	497.052.748	-
<b>Tổng</b>	<b>497.052.748</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09-DN/HN

**6.6 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2013	-	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	90.700.109.716	175.849.978.306	49.684.481.864	284.769.774	1.282.615.245	317.801.954.905
Mua trong năm	-	13.271.112.902	590.909.091	-	-	13.862.021.993
Đầu tư XD/CB hoàn thành	8.243.381.717	10.133.925.692	1.887.983.636	-	-	20.265.291.045
Tăng khác	82.456.727.999	152.444.939.712	47.205.589.137	284.769.774	1.282.615.245	283.674.641.867
Giảm trong năm	13.931.818	1.035.970.149	-	169.780.228	132.439.159	1.352.121.354
Giảm khác	-	803.986.710	-	85.307.500	102.814.159	992.108.369
Phân loại lại theo Thông tư 45	13.931.818	231.983.439	-	84.472.728	29.625.000	360.012.985
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>90.686.177.898</b>	<b>174.814.008.157</b>	<b>49.684.481.864</b>	<b>114.989.546</b>	<b>1.150.176.086</b>	<b>316.449.833.551</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	-	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	21.987.401.934	72.723.074.170	17.058.729.966	147.631.050	640.783.884	112.557.621.004
Khấu hao trong năm	6.280.225.520	16.977.448.486	5.471.346.051	46.463.851	196.556.788	28.972.040.696
Tăng khác	15.707.176.414	55.745.625.684	11.587.383.915	101.167.199	444.227.096	83.585.580.308
Giảm trong năm	34.703.210	620.435.952	242.595.447	68.080.583	19.791.725	985.606.917
Giảm khác	26.769.792	552.466.404	242.595.447	3.575.480	4.893.468	830.300.591
Phân loại lại theo Thông tư 45	7.933.418	67.969.548	-	64.505.103	14.898.257	155.306.326
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>21.952.698.724</b>	<b>72.102.638.218</b>	<b>16.816.134.519</b>	<b>79.550.467</b>	<b>620.992.159</b>	<b>111.572.014.087</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2013	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2013	68.733.479.174	102.711.369.939	32.868.347.345	35.439.079	529.183.927	204.877.819.464

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

75.543.463,920  
19.244.531.338

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**6.7 Tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2013	-	-	-
Tăng trong năm	5.398.356.533	2.233.981.409	7.632.337.942
Tăng khác	5.398.356.533	2.233.981.409	7.632.337.942
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>5.398.356.533</b>	<b>2.233.981.409</b>	<b>7.632.337.942</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2013	-	-	-
Tăng trong năm	2.317.482.329	883.384.679	3.200.867.008
Khấu hao trong năm	2.000.206.572	752.422.999	2.752.629.571
Tăng khác	317.275.757	130.961.680	448.237.437
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>2.317.482.329</b>	<b>883.384.679</b>	<b>3.200.867.008</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2013	-	-	-
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>3.080.874.204</b>	<b>1.350.596.730</b>	<b>4.431.470.934</b>

**6.8 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2013	-	-	-
Tăng trong năm	8.380.730.109	222.036.000	8.602.766.109
Mua trong năm	-	67.640.000	67.640.000
Tăng khác	8.380.730.109	154.396.000	8.535.126.109
Giảm trong năm	-	4.190.000	4.190.000
Giảm theo TT 45	-	4.190.000	4.190.000
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>8.380.730.109</b>	<b>217.846.000</b>	<b>8.598.576.109</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2013	-	-	-
Tăng trong năm	772.650.552	103.879.774	876.530.326
Khấu hao trong năm	174.450.288	28.573.394	203.023.682
Tăng khác	598.200.264	75.306.380	673.506.644
Giảm trong năm	-	17.636.210	17.636.210
Giảm khác	-	17.325.834	17.325.834
Giảm theo TT 45	-	310.376	310.376
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>772.650.552</b>	<b>86.243.564</b>	<b>858.894.116</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2013	-	-	-
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>7.608.079.557</b>	<b>131.602.436</b>	<b>7.739.681.993</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU B 09-DN/HN

**6.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhà kho chứa đá	1.769.712.803	-
Công trình trung tâm thương mại Ngũ Động Sơn	233.298.944	-
<b>Tổng</b>	<b>2.003.011.747</b>	<b>-</b>

**6.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	5.000.000.000	-	-
<i>Công ty Cổ phần Fecon Nghi Sơn</i>	<i>500.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>500.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.751.751.491	-
Chi phí thuê nhà kho	1.030.846.570	-
Chi phí thiết kế dây chuyền 2	99.696.316	-
Chi phí tư vấn	1.540.801.249	-
Chênh lệch tỷ giá	2.088.416.025	-
Chi phí thuê đất	2.256.301.843	-
<b>Tổng</b>	<b>9.767.813.494</b>	<b>-</b>

**6.12 Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	417.592.364	-
<b>Tổng</b>	<b>417.592.364</b>	<b>-</b>

**6.13 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>97.087.525.243</b>	<b>-</b>
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam (VND) <sup>(1)</sup>	14.268.529.181	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (VND) <sup>(2)</sup>	69.966.712.239	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (VND)	12.852.283.823	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>7.668.239.401</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>104.755.764.644</b>	<b>-</b>

**6.13 Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 00482/2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Lãi suất cho vay được thay đổi theo lãi suất thông báo cho từng thời điểm nhận nợ vay;
- (2) Hợp đồng cấp tín dụng số HK1-HĐTCTD/12010 ngày 28/2/2012 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay được thay đổi theo lãi suất thông báo cho từng thời điểm nhận nợ vay; Tài sản đảm bảo; tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án “Đầu tư mở rộng giai đoạn 2 Nhà máy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao”.

**6.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.265.319.284	-
Thuế thu nhập cá nhân	16.250.248	-
Thuế tài nguyên	128.000	-
<b>Tổng</b>	<b>8.281.697.532</b>	<b>-</b>

**6.15 Chi phí phải trả**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	300.528.388	-
<b>Tổng</b>	<b>300.528.388</b>	<b>-</b>

**6.16 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	111.084.658	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	787.554.888	-
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>588.500.000</i>	-
<i>Phải trả khác</i>	<i>199.054.888</i>	-
Bảo hiểm thất nghiệp	7.120.042	-
<b>Tổng</b>	<b>905.759.588</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**6.17 Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>83.692.863.404</b>	-
Vay ngân hàng	83.692.863.404	-
<i>Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (VND) (1)</i>	<i>3.252.594.134</i>	-
<i>Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (VND) (2)</i>	<i>33.035.710.748</i>	-
<i>Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (USD) (1)</i>	<i>4.016.535.628</i>	-
<i>Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (USD) (2)</i>	<i>43.388.022.894</i>	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>2.728.269.821</b>	-
Thuê tài chính	2.728.269.821	-
<b>Tổng</b>	<b>86.421.133.225</b>	-

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01.18246665.08/HĐTD ngày 16/02/2008 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô; Hạn mức vay: 50 tỷ đồng; Lãi suất 6 tháng kể từ ngày giải ngân 13,6% / năm (VND) và 7,4 % / năm (USD); Lãi suất VND bằng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 4% năm; Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh và xây dựng dây truyền 1; Tài sản thế chấp: quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 10096/HĐTD/VCB-PVC- Fecon giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm; Hạn mức vay 130 tỷ đồng; Lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm công bố cộng lãi suất biên 3,6%/năm (VND); Đối với vay gốc ngoại tệ bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm công bố cộng lãi suất biên 2,8%/năm ( USD); Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh và xây dựng dây truyền 2; Tài sản thế chấp: là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**6.18** **Vốn chủ sở hữu****a.** **Đổi chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Tăng trong năm</b>	<b>268.000.000.000</b>	<b>2.102.371.238</b>	<b>1.943.667.369</b>	<b>52.758.232.723</b>	<b>324.804.271.330</b>	
Tăng vốn	118.000.000.000	-	-	-	118.000.000.000	
Lãi	-	-	-	35.785.669.444	35.785.669.444	
Tăng khác	150.000.000.000	2.102.371.238	1.943.667.369	16.972.563.279	<b>171.018.601.886</b>	
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>18.928.004.271</b>	<b>18.928.004.271</b>	
Giảm khác	-	-	-	778.588.184	778.588.184	
Chia các quỹ, thù lao	-	-	-	3.083.608.196	3.083.608.196	
Chia cổ tức	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	
Truy thu, phạt thuế, tài trợ	-	-	-	65.807.891	65.807.891	
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>268.000.000.000</b>	<b>2.102.371.238</b>	<b>1.943.667.369</b>	<b>33.830.228.452</b>	<b>305.876.267.059</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**6.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	37.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon	97.500.000.000	-
Các cổ đông khác	133.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>268.000.000.000</b>	<b>-</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	-
Vốn góp tăng trong năm	268.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	268.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>15.000.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	<b>Năm 2013</b>
	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đầu năm</b>	<b>-</b>
<b>Số lượng cổ phiếu phát hành trong năm</b>	<b>26.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	26.800.000
<b>Số lượng cổ phiếu cuối năm</b>	<b>26.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	26.800.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND/CP)</i>	10.000

**6.19 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	423.971.417.445
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.565.774.694
<b>Tổng</b>	<b>425.537.192.139</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu - Hàng bán bị trả lại	2.052.125.600
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>423.485.066.539</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**6.20 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2013 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	306.907.915.746
Giá vốn hợp đồng xây dựng	2.960.514.007
<b>Tổng</b>	<b>309.868.429.753</b>

**6.21 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.219.728.489
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	62.158.859
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.404.977
<b>Tổng</b>	<b>1.289.292.325</b>

**6.22 Chi phí tài chính**

	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	18.781.003.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	353.143.102
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.007.437.714
<b>Tổng</b>	<b>21.141.584.660</b>

**6.23 Thu nhập khác và Chi phí khác**

	Năm 2013 VND
<b>Thu nhập khác</b>	
Lợi thế thương mại	6.100.000.000
Xử lý số dư công nợ	994.777
Thu nhập khác	9.090.909
<b>Tổng</b>	<b>6.110.085.686</b>
<b>Chi phí khác</b>	
Lãi chậm nộp thuế	84.063.868
Truy thu, phạt thuế	789.258.942
Xử lý số dư công nợ	12.470.221
<b>Tổng</b>	<b>885.793.031</b>
<b>Thu nhập khác / chi phí khác thuần</b>	<b>5.224.292.655</b>

**6.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>48.005.333.529</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	
+ Các khoản điều chỉnh tăng	873.322.810
<i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>873.322.810</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm	6.100.000.000
<i>Lợi thế thương mại</i>	<i>6.100.000.000</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>42.778.656.339</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.694.664.085
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>10.694.664.085</b>

**6.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm 2013 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.525.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.525.000.000</b>

**6.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>35.785.669.444</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>35.785.669.444</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	25.398.237
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.409</b>

**6.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	273.898.856.777
Chi phí nhân công	26.850.463.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.426.444.198
Chi phí dự phòng	411.028.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.575.682.221
Chi phí khác bằng tiền	35.178.857.244
<b>Tổng</b>	<b>380.341.332.352</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**Các giao dịch với nhân sự chủ chốt**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Hội đồng Quản trị		Thù lao, phụ cấp	324.000.000
Ban Giám đốc		Thu nhập	1.089.600.000

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon	Cổ đồng	Bán thành phẩm	437.106.621.143
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon	Cổ đồng	Lãi vay phải thu	980.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon	Cổ đồng	Mua nguyên liệu, thi công	65.356.692.788
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon	Cổ đồng	Chuyển nhượng vốn góp	3.900.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon	Cổ đồng	Mua căn hộ	3.645.000.000

**Số dư với các bên liên quan khác**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2013</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2013</u> <u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>				
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon	Cổ đồng	Bán thành phẩm	148.543.145.255	85.914.152.404
<b>Trả trước cho người bán</b>				
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon	Cổ đồng	Mua nguyên liệu, thi công	-	1.142.107.852
<b>Phải thu khác</b>				
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon	Cổ đồng	Cho vay	-	12.418.064.516

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là sản xuất bê tông thành phẩm các loại, hoạt động cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

**7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro vốn**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.13 và 6.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	6.429.990.216	-
Phải thu khách hàng	155.782.421.574	-
Phải thu khác	8.467.531.400	-
Tài sản thuê tài chính	4.431.470.934	-
Đầu tư tài chính khác	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>180.111.414.124</b>	-
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay nợ	191.176.897.869	-
Phải trả người bán	55.929.253.919	-
Phải trả khác	905.759.588	-
Chi phí phải trả	300.528.388	-
<b>Cộng</b>	<b>248.312.439.764</b>	-

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kế toán, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	56.835.013.507	-	56.835.013.507
Chi phí phải trả	300.528.388	-	300.528.388
Các khoản vay	104.755.764.644	86.421.133.225	191.176.897.869
<b>Cộng</b>	<b>161.891.306.539</b>	<b>86.421.133.225</b>	<b>248.312.439.764</b>
1/1/2013	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Cộng</b>	-	-	-



**7.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.429.990.216	-	6.429.990.216
Các khoản đầu tư	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	164.249.952.974	-	164.249.952.974
Tài sản tài chính khác	-	4.431.470.934	4.431.470.934
<b>Cộng</b>	<b>170.679.943.190</b>	<b>9.431.470.934</b>	<b>180.111.414.124</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>01/01/2013</b>			
<b>Cộng</b>	-	-	-

**7.4 Số liệu so sánh**

Đây là năm đầu tiên thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính do đó không có số liệu so sánh.

Người lập



**Bùi Thị Biết**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Tuấn Anh**

Hà Nam, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Giám đốc



**Hà Thế Phương**

